TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 10 năm 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngọ Văn Tỉnh.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
2. Bà Đoàn Thị Mến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc*:"Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Mai Trọng H, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp PT, xã H1, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn*: Bà Mai Thị Tuyết L (La), sinh năm: 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp PT, xã H1, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2018 và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Mai Trọng H trình bày như sau: Ông H và bà Mai Thị Tuyết L (còn có tên khác Mai Thị Tuyết La) quyết định tiến tới hôn nhân vào khoảng năm 1997, sau một thời gian tìm hiểu nhau, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Gia Tân 3, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

Thời gian đầu cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà L không chăm lo cho gia đình, mọi vấn đề kinh tế chỉ có một mình ông H lo toan, bản thân ông H cũng đã có ý kiến để bà L thay đổi cách sống nhưng không có kết quả. Vì vậy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, trong cuộc sống tH4 xuyên cãi vã với nhau, nên từ năm 2012 từ đó đến nay vợ chồng không còn sống chung , không còn quan hệ tình cảm cũng như mặt kinh tế. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng tH4 xuyên

xa nhau, bà L bỏ đi không còn sống chung với ông H và các con, thỉnh thoảng mới về thăm con vào các ngày lễ và tết.

Nay ông H cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau mạnh ai nấy sống, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà L để có điều kiện xây dựng cuộc sống mới.

Về quan hệ hôn nhân: ông H yêu cầu ly hôn với bà Mai Thị Tuyết L.

Về con chung: Ông H và bà L đã có 03 con chung gồm: Mai Mộng H3, sinh ngày 23/7/1997, Mai Mộng H4, sinh ngày 01/10/1999 hiện cháu H3 và cháu H4 đã thành niên và cháu Mai Trọng H2, sinh ngày: 05/5/2004, hiện nay cháu H2 đang sống cùng với bà L. Theo đơn khởi kiện cũng như các buổi làm việc trước đây tại Tòa án ông H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H cho rằng do bà L cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H2 nên ông đồng ý để bà L trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản hòa giải và bản tự khai của mình cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Mai Thị Tuyết L (La) trình bày như sau:

Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như ông H trình bày là đúng, bà không bổ sung gì thêm. Bà L tên đầy đủ là Mai Thị Tuyết L nhưng khi làm lại giấy chứng minh, hộ khẩu có sai sót nhầm lẫn nên thành tên Mai Thị Tuyết La nên từ năm 2006 đến nay bà có tên là Mai Thị Tuyết La nhưng một số giấy tờ liên quan đến nhân thân của bà trước năm 2006 như giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh của ba con chung được khai sinh ở ba thời điểm và ba địa phương khác nhau vẫn mang tên Mai Thị Tuyết L.

Trước khi kết hôn với ông H, bà L đã có 02 người con riêng nhưng ông H vẫn chấp nhận. Nhưng từ đó năm chung sống luôn sảy ra mâu thuẫn, hàng ngày luôn trì triết, chửi bà vì lý do bà L đã có 02 người con riêng. Nhưng bà vẫn chịu đựng và cùng ông H làm kinh tế để nuôi con. Cho đến năm 2012, gia đình bị khủng hoảng kinh tế thì ông H đã đánh đập và đuổi bà ra khỏi nhà. Vì vậy bà phải đi làm ăn xa nhưng vẫn luôn về thăm các con tH4 xuyên và ký đáo hạn ngân hàng cho ông H hàng năm chứ không bỏ đi như những lời ông H đã viết. Trong cuộc sống bà vẫn lén lút chu cấp tiền cho các con chung là Mai Mộng H3, Mai Mộng H4 và Mai Anh H2. Những lúc bà về nhà thăm con ông H đã chửi và ném đồ rồi đuổi ra khỏi nhà, vì sợ hành hung nên bà phải mướn nhà nghỉ và kêu con cái ra ngoài để thăm. Cho đến nay, ông H đã có tình cảm với người phụ nữ khác nên ông H tH4 xuyên đưa người này về nhà. Điều này có sự chứng kiến của 03 người con chung. Tại các buổi làm việc trước đây bà có ý kiến, ông H yêu cầu ly hôn thì đồng ý. Tại phiên tòa bà L cho rằng dù tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nhưng bà vẫn không đồng ý ly hôn với ông H vì ông H chưa chia tài sản chung cho bà hay chưa có một cam kết nào để lại tài sản chung cho con nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà L và ông H có 03 con chung gồm: Mai Mộng H3, sinh ngày 23/7/1997, Mai Mộng H4, sinh ngày 01/10/1999 hiện cháu H3 và cháu H4 đã trưởng thành, cháu Mai Trọng H2, sinh ngày: 05/5/2004, hiện nay cháu H2 đang sống cùng

với bà L. Nếu ly hôn bà L yêu cầu được nuôi cháu H2 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L và ông H có tài sản chung là thửa đất 227, tờ bản đồ số 109, diện tích là 177,4m^2 đất nông nghiệp đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ có giấy biên nhận ngày 11/6/2012 cho ông Mai Trọng H, trên đất có một căn nhà cấp 4. Nguồn gốc là do bà và ông H mua lại vào năm 2006, từ năm 2006 đến nay thì hai vợ chồng cùng sử dụng, bà yêu cầu chia tài sản chung, mỗi người hưởng ½ giá trị tài sản chung. Sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu chia tài sản chung vào ngày 12/9/2018 thì ngày 20/9/2018 bà L xin rút yêu cầu chia tài sản chung vì vậy Tòa án đã đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Xuyên Mộc phòng giao dịch H1 là 30.000.000đ.

Phát biểu quan điểm của kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giải quyết về việc tranh chấp con chung theo yêu cầu của đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn" giữa ông Mai Trọng H với bà Mai Thị Tuyết L (La) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về sai sót tên L thành tên La cả ông H và bà L đều xác định, bà L tên là Mai Thị Tuyết L, vào năm 2009 khi đi làm lại hộ khẩu và chứng minh nhân dân do sai sót, nhầm lẫn nên thành tên La, vì vậy nên từ năm 2006 đến nay bà mang tên là Mai Thị Tuyết La, còn các giấy tờ liên quan đến nhân thân trước đó như giấy kết hôn, giấy khai sinh của 03 con chung vẫn mang tên mẹ là Mai Thị Tuyết L, như vậy Mai Thị Tuyết La hay Mai Thị Tuyết La vẫn là một người.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà L là tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân UBND xã Gia Tân 3, huyện TN, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 75 ngày 07/9/1997, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai mai mối ép buộc nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, hai người chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Về thời điểm phát sinh mâu thuẫn, các bên đều đưa ra những giai đoạn khác nhau, ông H thì cho rằng thời điểm mâu thuẫn từ năm 2012 đến nay, còn bà L thì cho rằng sau khi kết hôn giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cả ông H và bà L đều TN khai là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế, tính tình hai người không hợp nhau, nên hay xảy ra xung đột và cải vã lẫn nhau, nhiều lần còn xúc phạm lẫn nhau, giữa hai người đã tìm hướng giải quyết nhưng không khắc phục được mâu thuẫn.

Xét yêu cầu của ông H cho thấy: Khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra vợ chồng phải cùng tìm nguyên nhân để hàn gắn vợ chồng cùng nhau chăm sóc con cái và gia đình nhưng từ đầu năm 2012 đến nay mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, sau khi ông H gửi đơn đến Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không có kết quả vì lý do bà L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của ông H, bà L thực sự không còn tình trạng hôn nhân nhân trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì trong giai đoạn này là sự quyết liệt ly hôn của ông H, còn bà L dù tại phiên tòa bà không đồng ý ly hôn nhưng vẫn cho rằng, sự mâu thuẫn vợ chồng đã lên đến đỉnh điểm, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, việc bà không đồng ý ly hôn chỉ là níu kéo về vấn đề tài sảnchứ không phải về tình cảm vợ chồng điều đó cho thấy bà L cũng không còn thiết tha gì cuộc sống hôn nhân với ông H nên cơ hội hàn gắn đoàn tụ vợ chồng giữa hai người là không có. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà L.

[3] *Về con chung*: ông H và bà L có 03 con chung tên Mai Mộng H3, sinh ngày 23/7/1997 và Mai Mộng H4, sinh ngày 01/10/1999, hai cháu H3 và cháu H4 đã thanh niên, còn cháu Mai Trọng H2, sinh ngày 05/5/2004 hiện đang sống cùng với bà L, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H2 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H cũng đồng ý giao cháu H2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng con chung là cháu H2 của các đương sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận, Bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Trọng H2, sinh ngày 05/5/2004, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông H không yêu cầu nên Tòa án xem xét. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà L, bà L đã rút yêu cầu nên Tòa án đã đình chỉ yêu cầu của bà, đối với khoản nợ chung của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch H1, do phía Ngân hàng chưa yêu cầu nên Tòa án không xém xét.

[5]. *Về án phí*: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 ông H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 , 81, 82, 83, 84, 107 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Trọng H về việc: "Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn" với bà Mai Thị Tuyết L (Mai Thị Tuyết La)

[1]. *Về hôn nhân*: Ông Mai Trọng H được ly hôn với bà Mai Thị Tuyết L (Mai Thị Tuyết La).

[2]. *Về con chung*: Ông H và bà L có 03 con chung gồm: Mai Mộng H3, sinh ngày 23/7/1997 và Mai Mộng H4, sinh ngày 01/10/1999, hai cháu H3 và cháu H4 đã thanh niên, còn cháu Mai Trọng H2, sinh ngày 05/5/2004 hiện đang sống cùng với bà L, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung: Bà L

được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Trọng H2, sinh ngày 05/5/2004, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, có thể yêu cầu cấp dưỡng và mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về án phí: ông H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân & Gia đình ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007706 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Như vậy ông H đã nộp đủ án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã (TT) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ

NGỌ VĂN TỈNH

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã Phước Thuận;
- Tòa án tỉnh; VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

NGỌ VĂN TỈNH